

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa, bao gồm:

- Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện.
- Vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện và vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng.

Điều 3. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện

Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện phải đáp ứng các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 4. Vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng

- Hàng hóa siêu trường là hàng hóa không thể tháo rời có kích thước bao chiều dài > 40 m hoặc chiều rộng > 10 m hoặc chiều cao > 4,5 m.
- Hàng hóa siêu trọng là hàng hóa không thể tháo rời có trọng lượng toàn bộ > 100 tấn.
- Trước khi thực hiện việc vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng, thuyền trưởng phương tiện hoặc người vận tải, người kinh doanh vận tải (sau đây gọi tắt là người vận tải) phải lập phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt. Phương án gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Hiện trạng tuyến đường thủy dự kiến hành trình: chiều rộng, chiều sâu, bán kính cong của luồng; chiều cao tĩnh không các công trình vượt sông;

b) Thông tin về loại hàng hóa vận chuyển: kích thước (dài x rộng x cao) m, tổng khối lượng (tấn);

c) Dự kiến thời gian vận chuyển; cảng đi, cảng đến;

d) Chung loại, thông số kích thước phương tiện vận tải;

đ) Hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông, yêu cầu hỗ trợ (nếu có).

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng

a) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trong các trường hợp: phương tiện rời cảng biển; phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa có hành trình vận tải liên tỉnh;

b) Sở Xây dựng tổ chức phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trong trường hợp phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa có hành trình vận tải nội tỉnh.

5. Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng theo Mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, phê duyệt phương án và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản điện tử cho người vận tải. Trường hợp không phê duyệt có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị định sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

b) Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

c) Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

3. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Điều 3 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

b) Điều 2 Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

c) Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 27 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà

